

15.4 Các hoạt động phục vụ nội dung của dự án:

- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
 - Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
 - Thu thập/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
 - Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
 - Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài
 - Triển khai thực nghiệm
 - Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện
 - Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế.
-

16 Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (*kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận,...*)

.....

.....

.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (*nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước... của địa bàn triển khai dự án; nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng, ...*);

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (*làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án,.....*);

- Nguyên vật liệu (*khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài,...*);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (*số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân*).

- Môi trường (*đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục*);

.....

.....

.....

16.2. Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (*trong trường hợp cần thiết*);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án

(kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn; báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

17 Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

18 Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nếu rõ].

18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án, đề án = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

* **Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	Các nguồn vốn khác 2.1 Vốn tự có của cơ sở: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2 Khác (vốn huy động, ...) - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

Số TT	Nội dung	Tổng số chi phí (1.000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
A	Chi phí trực tiếp					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú: - *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng:					

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng:					

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XD CB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích :

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{---} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{..... \%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{..... \%};$$

19 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường,...)

.....

.....

.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

....., Ngày... ..tháng năm

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

....., Ngày... ..tháng năm

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu – nếu có)

....., Ngày... ..tháng năm

Bộ Khoa học và Công nghệ
Chủ nhiệm Chương trình
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

....., Ngày... ..tháng năm

Thủ trưởng cơ quan Chủ quản⁴
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

⁴ Nếu Bộ KH&CN là cơ quan Chủ quản quản lý dự án thì không cần xác nhận nội dung này.

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN
(Theo nội dung chi)

Phụ lục thuyết minh dự án (TMDA)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thiết bị, máy móc mua mới												
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ												
4	Chi phí lao động												
5	Nguyên vật liệu năng lượng												
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng												
7	Chi khác												
	Tổng cộng												

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									Tự có	Khác
							Ngân sách SNKH										
							Tổng số	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93 *	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93 *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93 *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93 *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu															
2		Nguyên, vật liệu phụ															
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng															

[illegible]

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 3/2006/TTLT/BTC-BKHCN)

Phụ lục 2-TMDA

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)

Phụ lục 3a-TMDA

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2					
3					
4					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2					
3					
4					
Cộng:					

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A		Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ôn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ôn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5									
B		Chi phí đào tạo công nghệ							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3									
		Cộng							

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG**A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)**

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B:							

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		Cộng										

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Phụ lục 7-TMDA

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH										
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1		Công tác phí - Trong nước - Ngoài nước												
2		Quản lý phí - Quản lý hành chính thực hiện dự án												
3		Sửa chữa, bảo trì thiết bị												
4		Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu: - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở												

5		Chú khác: - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...											
		Cộng											

** Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)*

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Số TT	Nội dung công việc	Tháng																											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...			
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																												
2	Hoàn thiện công nghệ																												
3	Chế tạo, mua thiết bị																												
4	Lắp đặt thiết bị																												
5	Đào tạo công nhân																												
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																												
7	Thử nghiệm mẫu																												
8	Hiệu chỉnh công nghệ																												
9	Đánh giá nghiệm thu																												

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7

II. Phương án sản phẩm

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	2	3	4	5	6	7	8

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

Số TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ¹
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Website: Điện thoại: Fax: E-mail:		
2. Chức năng, đề tài, dự án và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh của tổ chức chủ trì thực hiện liên quan đến đề tài, dự án đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp		
3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức		
Số TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án		
Số TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án đã kê khai ở mục 4 trên đây (Nếu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình, bài báo, báo cáo khoa học đã công bố, xuất bản ... đã áp dụng vào sản xuất và đời sống)		

¹ Trình bày và in trên khổ giấy A4.

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA¹**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM:

☐

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN:

☐

Tên đề tài, dự án đăng ký thực hiện:

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
5. Chức danh nghiên cứu:			
Chức vụ:			
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại: CQ: ; NR: ; Mobile:			
8. Fax: E-mail:			
9. Tổ chức - nơi làm việc hoặc đã nghỉ hưu của cá nhân đăng ký chủ nhiệm (hoặc tham gia) thực hiện đề tài, dự án: Tên tổ chức: Tên người Lãnh đạo: Điện thoại người Lãnh đạo: Địa chỉ tổ chức:			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

¹ Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài, dự án. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức

12. Các công trình khoa học và công nghệ đã công bố (liệt kê tối đa 05 công trình, bài báo, báo cáo khoa học tiêu biểu có liên quan đến đề tài, dự án đã công bố trong 5 năm gần nhất)				
Số TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

13. Các đề tài, dự án khác đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án			
Tên đề tài, dự án khác đã chủ trì	Thời gian thực hiện (ngày, tháng, năm theo Hợp đồng ký kết)	Tình trạng đề tài, dự án (thời điểm nghiệm thu, kết quả đạt được)	Cấp quản lý (cấp nhà nước/bộ/ cơ sở/khác)

14. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			
Số TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng	

15. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			
Số TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)

16. Các đề tài, dự án khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			
<i>Tên đề tài, dự án khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài, dự án (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên đề tài, dự án khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài, dự án (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
17. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			
Số TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
18. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			

....., ngày tháng năm 20...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA
THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN²**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu - nếu có)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH)
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
(Họ tên và chữ ký)

Tổ chức đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết
để Ông, Bà ... chủ trì (tham gia) thực hiện đề
tài, dự án

² Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần xác nhận này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN¹
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Kính gửi: *(Cơ quan Chủ quản quản lý đề tài, dự án)*²

1. Tên đề tài, dự án đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

Thuộc Chương trình: Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020

Mã số của Chương trình:

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án:

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án:

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

4. Nội dung công việc tham gia trong đề tài, dự án (và *kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài, dự án của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp gửi Cơ quan chủ quản quản lý đề tài, dự án.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Khoa học và Công nghệ và *(Cơ quan chủ quản quản lý đề tài, dự án)* hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài, dự án đã đăng ký.

... .., ngày ...tháng ... năm 20....

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu – nếu có)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu – nếu có)

¹ Xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

² Ghi tên Bộ, ngành, địa phương chủ quản quản lý đề tài, dự án.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
BAN CHỨC NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

1. Tên đề tài, dự án

.....
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng số/QĐ-BKHCN ngày/...../20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

3. Địa điểm và thời gian mở hồ sơ:, ngày/...../20...

4. Đại diện các cơ quan và tổ chức tham gia mở hồ sơ

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức	Họ và tên đại biểu
1		
2		
3		
4		
5		

5. Tình trạng của các hồ sơ

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì đề tài, dự án SXTN: hồ sơ.
- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ:/.... (tổng số hồ sơ đăng ký).
- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

Số TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ							
		Nộp đúng hạn ¹	Tinh đầy đủ của Hồ sơ đăng ký ²	Tư cách pháp nhân	Có nhiệm vụ cấp Nhà nước ⁴				
					Đang chủ trì nhiệm vụ cấp nhà nước ³	Hết thời hạn hợp đồng quá 12 tháng chưa nghiệm thu/ Nợ thu hồi DA SXTN, DA CGCN ³	Được đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc bị đình chỉ ⁵	Nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Cơ sở chậm 6-24 tháng ⁶	Nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Cơ sở chậm 24 tháng trở lên ⁷
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Kết luận: Như vậy, trong số hồ sơ đăng ký, có hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

Số TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/dự án	Ghi chú
(1)	(2)	(3)

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vàoh.....phút, ngày/...../20....

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

¹ Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;

² Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 7 của Thông tư;

³ Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

⁴ Nhiệm vụ cấp Nhà nước gồm: đề tài, dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN, NCCB;

⁵ Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 24 tháng, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc có Quyết định đình chỉ của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

⁶ Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 12 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế;

⁷ Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 24 tháng, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng: _____

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

Phần đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của đề tài	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của đề tài góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình	2	
		1.2. Kết quả đề tài góp phần thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện đề tài	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	
	4. Phương án tài chính	4.1. Khả năng tiếp cận các nguồn lực có liên quan	2	
		4.2. Khả năng huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn)	4	
		4.3. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (chi tiết các nội dung sử dụng nguồn vốn).	2	
	5. Phương án hợp tác nghiên cứu	5.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	

		5.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	
2. Tính khả thi về công nghệ	6. Mức độ đổi mới công nghệ**	6.1. Tạo ra quy trình mới	16	
		6.2. Cải tiến quy trình	12	
		6.3. Sửa đổi quy trình hiện có	4	
	7. Mức độ đổi mới sản phẩm***	7.1. Tạo ra sản phẩm mới	16	
		7.2. Cải tiến sản phẩm	12	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm	4	
	8. Nâng cao năng lực quản lý/nghiên cứu	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Tính khả thi về thương mại	9. Tính khả thi về thị trường	9.1. Khả năng ứng dụng kết quả	8	
		9.2. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	10	
		9.3. Khả năng phát triển thị trường của quy trình/sản phẩm	10	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	10. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	10.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ	3	
		10.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	4	
	11. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	11.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	3	
		11.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	2	
Tổng cộng				

Mức độ đổi mới công nghệ **: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Mức độ đổi mới sản phẩm***: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

- ☐ Đề nghị thực hiện.
- ☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- ☐ Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

**NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYÊN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

2. Tên đề tài:

3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì đề tài

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 12 của TMĐT):

.....
.....

4.2. Về mô tả, phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 14.1 của TMĐT):

.....
.....

4.3. Sự cần thiết, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 14.2 của TMĐT):

.....
.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu (căn cứ Mục 18 của TMĐT):

.....
.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 16 của TMĐT):

.....
.....

4.6. Về các phương pháp nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 18 của TMĐT) :

.....
.....

4.7. Về phương án - kế hoạch tổ chức thực hiện (của việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có; trong việc: sưu tầm, dịch tài liệu; hội thảo khoa học, điều tra khảo sát, hợp tác quốc tế, v.v...)

.....
.....
4.8. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí đề tài (căn cứ Mục 26 của TMĐT):
.....
.....

4.9. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của đề tài (căn cứ Mục 22 của TMĐT):
.....
.....

4.10. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu (căn cứ Mục 23 của TMĐT):
.....
.....

4.11. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 19, Mục 20 và Mục 21 của TMĐT):
.....
.....

4.12. Về các vấn đề khác có liên quan:
.....
.....

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh đề tài

5.1. Ưu điểm:
.....
.....

5.2. Hạn chế:
.....
.....

5.3. Các kiến nghị:
.....
.....

Ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỜ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**
*(Áp dụng cho nhóm đề tài, dự án đào tạo về quản lý công nghệ,
quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới)*

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên đề tài, dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

Phân đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của đề tài	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của đề tài góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình và nhóm nhiệm vụ đào tạo thuộc Chương trình	2	
		1.2. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhu cầu đối với sự phát triển, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện đề tài	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	
	4. Phương án hợp tác nghiên cứu	4.1. Phương án hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức R&D và các trường đại học trong nghiên cứu và phát triển	2	
		4.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	

	5. Phương án tài chính	5.1. Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	4	
		5.2. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	4	
2. Tính khoa học, chất lượng của sản phẩm	6. Mức độ phù hợp của sản phẩm**	6.1. Tạo ra phương pháp, giải pháp mới	16	
		6.2. Hoàn thiện, cải tiến sản phẩm hiện có	12	
		6.3. Sửa đổi quy trình, phương pháp tổ chức thực hiện	4	
	7. Mức độ đổi mới sản phẩm***	7.1. Tạo ra sản phẩm mới	16	
		7.2. Cải tiến sản phẩm	12	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm hiện có	4	
	8. Nâng cao năng lực nghiên cứu/quản lý	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Khả năng, hiệu quả ứng dụng	9. Tính khả thi về ứng dụng	9.1. Khả năng ứng dụng của sản phẩm	12	
		9.2. Khả năng phổ biến và ứng dụng kết quả để tái	12	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	10. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	10.1. Kinh nghiệm quản lý, khả năng phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện để tái	3	
		10.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	6	
	11. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	11.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	5	
		11.2. Khả năng hợp tác với các tổ chức đào tạo, doanh nghiệp thực hiện để tái	2	
Tổng cộng				

Mức độ phù hợp của sản phẩm**: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Mức độ đổi mới sản phẩm***: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

- ☐ Đề nghị thực hiện.
- ☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- ☐ Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trưng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

NIÊN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
(Áp dụng cho nhóm đề tài, dự án đào tạo về quản lý công nghệ,
quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới)

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

2. Tên đề tài, dự án:

3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 12 của TMDT):

.....

4.2. Về mô tả, phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 14.1 của TMDT):

.....

4.3. Sự cần thiết, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 14.2 của TMDT):

.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu (căn cứ Mục 18 của TMDT):

.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 16 của TMDT):

.....

4.6. Về các phương pháp nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 18 của TMDT) :

.....

4.7. Về phương án - kế hoạch tổ chức thực hiện (của việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có; trong việc: sưu tầm, dịch tài liệu; hội thảo khoa học, điều tra khảo sát, hợp tác quốc tế, v.v...)

.....

.....

4.8. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí đề tài, dự án (căn cứ Mục 23 của TMDT):

.....

.....

4.9. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của đề tài, dự án (căn cứ Mục 22 của TMDT):

.....

.....

4.10. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu (căn cứ Mục 23 của TMDT):

.....

.....

4.11. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 19, Mục 20 và Mục 21 của TMDT):

.....

.....

4.12. Về các vấn đề khác có liên quan

.....

.....

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh đề tài, dự án

5.1. Ưu điểm:

.....

.....

5.2. Hạn chế:

.....

.....

5.3. Các kiến nghị:

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYÊN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**
(Áp dụng cho nhóm đề tài, dự án xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia,
lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ)

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên đề tài, dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

Phân đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của đề tài	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của đề tài góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình	2	
		1.2. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhu cầu đổi mới với sự phát triển, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện đề tài	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất.	2	
	4. Phương án hợp tác nghiên cứu	4.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	
		4.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài.	2	

	5. Phương án tài chính	5.1. Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	4	
		5.2. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	4	
2. Tính khoa học, chất lượng của sản phẩm	6. Mức độ phù hợp của sản phẩm**	6.1. Tạo ra phương pháp, giải pháp mới	16	
		6.2. Hoàn thiện, cải tiến phương pháp tiếp cận và phương pháp tổ chức	12	
		6.3. Sửa đổi quy trình, phương pháp tổ chức thực hiện	4	
	7. Mức độ đổi mới sản phẩm***	7.1. Tạo ra sản phẩm mới	16	
		7.2. Cải tiến sản phẩm	12	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm hiện có	4	
	8. Nâng cao năng lực nghiên cứu, quản lý	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Khả năng, hiệu quả ứng dụng	9. Tính khả thi về ứng dụng	9.1. Khả năng ứng dụng của sản phẩm	8	
		9.2. Khả năng phổ biến và chuyển giao kết quả đề tài	8	
		9.3. Khả năng thu hút mở rộng quy mô triển khai của sản phẩm	8	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	10. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	10.1. Kinh nghiệm quản lý, khả năng phối hợp, kiểm soát và giám sát việc thực hiện đề tài	3	
		10.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	6	
	11. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	11.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	5	
		11.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	2	
Tổng cộng				

Mức độ phù hợp của sản phẩm**: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Mức độ đổi mới sản phẩm***: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐

Đề nghị thực hiện.

☐

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYÊN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
(Áp dụng cho nhóm đề tài, dự án xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia,
lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ)

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

2. Tên đề tài, dự án:

.....

3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 12 của TMĐT):

.....

.....

4.2. Về mô tả, phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 14.1 của TMĐT):

.....

.....

4.3. Sự cần thiết, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 14.2 của TMĐT):

.....

.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu (căn cứ Mục 18 của TMĐT):

.....

.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 16 của TMĐT):

.....

.....

4.6. Về các phương pháp nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 18 của TMĐT):

.....

.....

4.7. Về phương án - kế hoạch tổ chức thực hiện (của việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có; trong việc: sưu tầm, dịch tài liệu; hội thảo khoa học, điều tra khảo sát, hợp tác quốc tế, v.v...)

4.8. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí đề tài, dự án (căn cứ Mục 23 của TMDT):

4.9. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của đề tài, dự án (căn cứ Mục 22 của TMDT):

4.10. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu (căn cứ Mục 23 của TMDT):

4.11. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 19, Mục 20 và Mục 21 của TMDT):

4.12. Về các vấn đề khác có liên quan

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh đề tài, dự án

5.1. Ưu điểm:

5.2. Hạn chế:

5.3. Các kiến nghị:

Ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYÊN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
CHỦ TRÌ DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên dự án: Mã số dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: Tên tổ chức: Họ và tên cá nhân:	

Phân đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của dự án	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của dự án góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình	2	
		1.2. Khả năng đóng góp vào các mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	
	4. Phương án tài chính	4.1. Khả năng tiếp cận các nguồn lực có liên quan	2	
		4.2. Khả năng huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	4	
		4.3. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2	
	5. Phương án hợp tác nghiên cứu	5.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	

		5.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	
2. Tính khả thi về công nghệ	6. Mức độ đổi mới công nghệ**	6.1. Tạo ra quy trình mới	16	
		6.2. Cải tiến quy trình	12	
		6.3. Sửa đổi quy trình hiện có	4	
	7. Mức độ đổi mới sản phẩm***	7.1. Tạo ra sản phẩm mới	16	
		7.2. Cải tiến sản phẩm	12	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm	4	
	8. Nâng cao năng lực quản lý/nghiên cứu	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Tính khả thi về thương mại	9. Tính khả thi về thị trường	9.1. Khả năng ứng dụng và phương án khai thác kết quả	4	
		9.2. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	6	
		9.3. Khả năng phát triển thị trường của quy trình/sản phẩm	6	
	10. Tính khả thi về kinh tế	10.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp đo áp dụng kết quả dự án	4	
		10.2. Khả năng thu hồi vốn đầu tư của doanh nghiệp	4	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	11. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	11.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ	3	
		11.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	6	
	12. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	12.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	5	
		12.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	2	
Tổng cộng				

Mức độ đổi mới công nghệ **: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Mức độ đổi mới sản phẩm***: lựa chọn 1 trong 3 nội dung chỉ tiêu, điểm tối đa là 16

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐

Đề nghị thực hiện.

☐

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

**NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN/GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

2. Tên dự án:

3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì dự án

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 12 của TMDA):

.....

4.2. Sự cần thiết, tính khả thi, lợi ích, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 13 của TMDA):

.....

4.3. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 14 của TMDA):

.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu, triển khai dự án:

.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 15 của TMDA):

.....

4.6. Về phương án triển khai- kế hoạch tổ chức thực hiện (của việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có; Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm; Phương án huy động các nguồn tài chính, Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án, hợp tác quốc tế, v.v..) (căn cứ Mục 16 của TMDA):

.....

4.7. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của dự án (căn cứ Mục 17 của TMDA) :

.....

4.8. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu; phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc (căn cứ Mục 13.5, Mục 18 của TMDA):

4.9. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 10 và Mục 11 của TMDA) :

4.10. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí dự án (căn cứ Mục 16.2 của TMDA; phần III và các phụ lục của TMDA) :

4.11. Về các vấn đề khác có liên quan

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh dự án

5.1. Ưu điểm:

5.2. Hạn chế:

5.3. Các kiến nghị:

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ THUYẾT MINH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

1. Tên đề tài, dự án:
2. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-..... ngày ... /.../20.. của Bộ trưởng Bộ
3. Tổng số thành viên Hội đồng: Số thành viên vắng mặt:
4. Kết quả kiểm phiếu:
- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:
- Kết quả bỏ phiếu:

Số TT	Họ và tên thành viên Hội đồng	Đáp ứng yêu cầu	Đề nghị giao cho Tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị lại Hồ sơ	Đề nghị giao cho Tổ chức khác xây dựng Hồ sơ	Đề nghị không thực hiện
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
	Tổng số				

5. Ý kiến khác:

BẢN KIỂM PHIẾU

Ủy viên thứ hai
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.....năm 20..

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÉT DUYỆT ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài, dự án:
2. Quyết định thành lập Hội đồng:/QĐ-BKHCHN ngày/...../20... của
3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng: Tại:..... ngày/...../20...
4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người.
Vắng mặt thành viên, gồm:

.....

.....

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà là thư ký khoa học của Hội đồng.

B. Nội dung làm việc của Hội đồng (ghi chép của thư ký khoa học):

1. Ông/Bà trình bày thuyết minh đề tài, dự án.
2. Các Ủy viên phân biện trình bày ý kiến về các đề tài, dự án được phân công.
3. Hội đồng thảo luận và cho ý kiến theo các yêu cầu chính sau:
 - a) Sự phù hợp của đề tài, dự án so với các vấn đề KH&CN và thực tiễn đặt ra, làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu và khả năng ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu, thương mại.

- b) Đáp ứng các yêu cầu của đề tài, dự án theo đặt bài của Hội đồng KH&CN tư vấn xác định đề tài, dự án.
 - c) Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu, nội dung thực hiện chủ yếu và yêu cầu sản phẩm.
 - d) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm.
 - đ) Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu.
 - e) Năng lực của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và các đơn vị phối hợp.
 - g) Sự phù hợp của phương thức lựa chọn tổ chức cá nhân thực hiện đề tài, dự án.
 - h) Kinh phí thực hiện đề tài, dự án.
4. Đại diện cơ quan Chủ quản quản lý đề tài, dự án hoặc Ban Chủ nhiệm Chương trình giải trình bổ sung (nếu có).
 5. Đọc báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).
 6. Ý kiến của các khách mời tham dự.
 7. Hội đồng thảo luận cho ý kiến để Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ thuyết minh đề tài, dự án.
 8. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện đề tài, dự án.
 9. Các ý kiến khác:
 10. Các thành viên hội đồng đã đánh giá đối với từng nhiệm vụ theo Phiếu đánh giá hồ sơ Thuyết minh đề tài, dự án.

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:
- Hai thành viên:
.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án trong Biên bản kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ đề tài, dự án nêu trên:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

D. Kết luận, kiến nghị của Hội đồng *(kiến nghị về các nội dung cần sửa đổi)*

.....

.....

.....

.....

Hội đồng thông qua Biên bản họp Hội đồng.

Hội đồng đề nghị Cơ quan chủ quản quản lý đề tài, dự án xem xét, quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN*
THỰC HIỆN NĂM 201... THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-..... ngày tháng năm
của về việc phê duyệt danh mục đề tài, dự án trúng tuyển)

TT	Tên đề tài, dự án trúng tuyển	Tên chủ nhiệm, tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ NSNN	Kinh phí từ các nguồn khác	Ghi chú
1	2			3		6
I	Đề tài					
1						
2						
3						
...						
II	Dự án					
1						
2						
3						
...						

* Gửi kèm theo hồ sơ Thuyết minh nhiệm vụ đã được chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng KH&CN xét duyệt đề tài, dự án.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

1. Tên Đề tài:

- Mã số:

- Thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia

2. Chủ nhiệm Đề tài:

3. Cơ quan chủ quản Đề tài:

4. Cơ quan chủ trì Đề tài:

5. Họ và tên người thẩm định:

- Học hàm, học vị:

- Chuyên môn đào tạo:

- Cơ quan công tác:

6. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định ngày tháng năm 20....

A. Rà soát nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Hồ sơ thẩm định, Thuyết minh Đề tài:

1. Nhận xét, đánh giá chung (về tính đầy đủ của Hồ sơ thẩm định; về mức độ hoàn thiện của thuyết minh Đề tài: thông tin chung; mục tiêu, nội dung và phương án triển khai Đề tài; Sản phẩm chính của Đề tài, phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện toàn bộ Đề tài):

2. Đủ điều kiện thẩm định:

3. Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

II. Rà soát chi tiết nội dung Thuyết minh Đề tài:

1. Mục tiêu Đề tài: (nhận xét)

2. Nội dung chính:

- Nhận xét về tính đầy đủ các nội dung chính và các nội dung thành phần phù hợp đã được liệt kê Thuyết minh Đề tài: (nội dung nghiên cứu của đề tài, các nội dung khác phù hợp để đạt được mục tiêu, sản phẩm chung của Đề tài)

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ: (đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)

- Những nội dung cần bổ sung: (đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)

3. Sản phẩm chính của Đề tài:

- Nhận xét về tính đầy đủ các dạng sản phẩm chính của Đề tài (dạng I, II, III) đã liệt kê trong thuyết minh, tính hợp lý về tên sản phẩm, số lượng, chất lượng và chỉ tiêu KT-KT cần đạt:
- Các sản phẩm chính không phù hợp, cần loại bỏ (*đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do*)
- Các sản phẩm chính cần bổ sung (*đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do*):

4. Hiệu quả của Đề tài:

- Nhận xét về hiệu quả KH&CN của Đề tài:
- Nhận xét về hiệu quả kinh tế của Đề tài:
- Nhận xét về hiệu quả xã hội:

5. Danh mục các nội dung KH&CN:

- Nhận xét về tính đầy đủ danh mục các nội dung đã được liệt kê trong thuyết minh:
- Tính khả thi thực hiện các nội dung KH&CN thuộc Đề tài:

6. Nhận xét về tính liên kết của các nội dung thuộc Đề tài với mục tiêu, sản phẩm của Đề tài:

7. Ý kiến khác (nếu rõ sự hợp lý, không hợp lý để nghị loại bỏ trong thuyết minh nhiệm vụ):

B. Thẩm định về kinh phí Đề tài:

I. Tính đầy đủ và hợp lý của việc thẩm định các nội dung KH&CN thuộc Đề tài:

1. Số nội dung đã được thẩm định nội dung và kinh phí:
2. Số nội dung chưa được thẩm định nội dung và kinh phí:

Trong đó:

- | | |
|---|------------|
| - Tổng số kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước: | triệu đồng |
| - Tổng số kinh phí từ các nguồn khác: | triệu đồng |

II. Sự hợp lý trong việc phân bổ kinh phí theo từng năm kế hoạch:

III. Phương án huy động các nguồn tài chính:

1. Đủ căn cứ để thông qua:

2. Chưa đủ căn cứ để thông qua: *(nêu rõ cần bổ sung các văn bản gì)*

C. Ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định: *(gạch bỏ nội dung không phù hợp)*

- Đủ căn cứ để phê duyệt Đề tài:

- Chưa đủ căn cứ để phê duyệt Đề tài:

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

1. Tên Dự án:
 - Mã số:
 - Thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia
2. Chủ nhiệm Dự án:
3. Cơ quan chủ quản Dự án:
4. Cơ quan chủ trì Dự án:
5. Họ và tên người thẩm định:
 - Học hàm, học vị:
 - Chuyên môn đào tạo:
 - Cơ quan công tác:
6. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định ngày tháng năm 20

A. Rà soát nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Hồ sơ thẩm định, Thuyết minh Dự án:

1. Nhận xét, đánh giá chung *(về tính đầy đủ của Hồ sơ thẩm định; về mức độ hoàn thiện của thuyết minh dự án: thông tin chung; mục tiêu, nội dung và phương án triển khai dự án; sản phẩm của dự án, phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện dự án):*

2. Đủ điều kiện thẩm định:
3. Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

II. Rà soát chi tiết nội dung thuyết minh Dự án:

1. Nội dung chính *(đề xuất cụ thể):*

- Những nội dung phù hợp:
- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:
- Những nội dung cần bổ sung *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do):*

2. Nội dung khảo sát, thí nghiệm, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ (có cần thiết hay không, có bám sát phục vụ nội dung dự án không; số lượng, quy mô, đối tượng và địa điểm phù hợp hay không phù hợp)

- Những nội dung phù hợp:
- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ (*đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do*):
- Những nội dung cần bổ sung (*đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do*):

3. Phương án Hợp tác quốc tế, ứng dụng, chuyển giao công nghệ:

4. Hôi thảo khoa học, các nội dung khác:

5. Tiến độ và thời gian thực hiện (mức độ phù hợp về tiến độ của từng nội dung công việc, bắt đầu, kết thúc, Kiến nghị thời gian thực hiện.....tháng):

6. Sản phẩm chính của Dự án (đề nghị ghi cụ thể):

7. Ý kiến khác (nêu rõ sự hợp lý, không hợp lý đề nghị loại bỏ trong thuyết minh dự án):

B. Nhân xét, thẩm định sơ bộ về kinh phí:

1. Nêu ý kiến nhận xét những nội dung chỉ nào trong dự toán chưa phù hợp, lý do, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý:

2. Thẩm định sơ bộ:

a) Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Dự án: triệu đồng

Trong đó:

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

- Nguồn khác: triệu đồng

b) Dự kiến chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các khoản sau:

- Thiết bị, máy móc mua mới: triệu đồng
- Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo: triệu đồng
- Kinh phí hỗ trợ công nghệ: triệu đồng
- Chi phí lao động: triệu đồng
- Nguyên vật liệu năng lượng: triệu đồng
- Thuê thiết bị, nhà xưởng: triệu đồng
- Chi khác: triệu đồng

3. Nhận xét về phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án:

Sự hợp lý trong việc phân bổ kinh phí theo từng năm kế hoạch:

4. Phương án huy động các nguồn tài chính:

- Đủ căn cứ để thông qua:
- Chưa đủ căn cứ để thông qua: *(nêu rõ cần bổ sung các văn bản gì)*

C. Ý kiến kết luận của thành viên Hội đồng thẩm định: *(gạch bỏ nội dung không phù hợp)*

- Đủ căn cứ để phê duyệt Dự án:
- Chưa đủ căn cứ để phê duyệt Dự án:

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

A. Thông tin chung:

1. Tên Đề tài:

Mã số(Nếu có)

Thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia:

2. Tổ chức chủ trì Đề tài:

3. Chủ nhiệm Đề tài:

4. Quyết định thành lập Hội đồng số:/QĐ-BKHCN, ngày .../.../20.. của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Ngày họp:

6. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/..... thành viên.

Vắng mặt: thành viên, gồm:

.....
.....

7. Đại biểu tham dự:

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

B. Kết luận của hội đồng thẩm định

1. Về Hồ sơ, Thuyết minh Đề tài:

1.1. Hồ sơ đủ điều kiện để thẩm định:

1.2. Hồ sơ không đủ điều kiện để thẩm định:

Hội đồng yêu cầu bổ sung, hoàn thiện cụ thể các tài liệu sau:

2. Về nội dung Thuyết minh Đề tài:

2.1. Mục tiêu Đề tài:

- Kết luận về mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Đề tài:
- Kết luận về chỉnh sửa mục tiêu của Đề tài, cụ thể như sau:

2.2. Nội dung chính:

- Kết luận về tính đầy đủ các nội dung chính và các nội dung thành phần phù hợp đã được liệt kê Thuyết minh Đề tài:
- Kết luận về những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ:
- Kết luận về những nội dung cần bổ sung:

2.3. Sản phẩm chính của Đề tài:

- Kết luận về tính đầy đủ các dạng sản phẩm chính của Đề tài:
- Kết luận về các sản phẩm chính không phù hợp, cần loại bỏ:
- Kết luận về các sản phẩm chính cần bổ sung:

2.4. Hiệu quả của Đề tài:

- Kết luận về hiệu quả KH&CN của Đề tài:
- Kết luận về hiệu quả kinh tế của Đề tài:
- Kết luận về hiệu quả xã hội của Đề tài:

2.5. Danh mục các nội dung KH&CN:

- Kết luận về tính đầy đủ danh mục các nội dung thuộc Đề tài:
- Kết luận về tính khả thi của các các nội dung thuộc Đề tài:

2.6. Kết luận về vai trò và tính liên kết của Đề tài đối với thực hiện mục tiêu của Chương trình:

C. Kết luận thẩm định về kinh phí Đề tài:

1. Tính đầy đủ và hợp lý của kinh phí với nội dung đã xác định thuộc Đề tài:

- | | |
|---|------------|
| - Tổng số kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước: | triệu đồng |
| - Tổng số kinh phí từ các nguồn khác: | triệu đồng |

- Tổng số kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2. Sự hợp lý trong việc phân bổ kinh phí theo từng năm kế hoạch:

3. Chi tiết các nguồn kinh phí:

Đơn vị: triệu đồng					
Số TT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí từ NSNN	Khoản chi	Kinh phí đối ứng từ các nguồn khác	Ghi chú
1	Thiết bị, máy móc				
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo				
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ				
4	Chi phí lao động				
5	Nguyên vật liệu năng lượng				
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng				
7	Chi khác				
....					
	Tổng cộng				

4. Phương án huy động các nguồn tài chính: (gạch bỏ kết luận không phù hợp)

- Hội đồng nhất trí thông qua.
- Chưa đủ căn cứ để thông qua.

- Chưa đủ căn cứ để thông qua.

D. Kết luận chung của Hội đồng thẩm định: *(gạch bỏ kết luận không phù hợp)*

1. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề tài trên cơ sở Hồ sơ được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng.

2. Đề nghị Ban Chủ nhiệm Chương trình, Cơ quan chủ quản cung cấp bổ sung Hồ sơ thẩm định hoặc hoàn thiện thuyết minh Đề tài để đủ điều kiện thẩm định.

3. Các ý kiến khác của Hội đồng:

4. Biên bản được lập xong lúc ngày..... /...../..... và đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua.

THƯ KÝ
(ký tên, họ và tên)

(ký tên, họ và tên)

PHÓ CHỦ TỊCH
(ký tên, họ và tên)

(ký tên, họ và tên)

CHỦ TỊCH
(ký tên, họ và tên)

(*ký tên, họ và tên*)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

A. Những thông tin chung:

1. Tên Dự án:

Mã số(Nếu có)

Thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia

2. Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm Dự án:

3. Quyết định thành lập Hội đồng:

...../QĐ-BKHCN, ngày .../.../20.. của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

4. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Ngày họp:

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: thành viên, gồm:

.....
.....

6. Đại biểu tham dự:

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

B. Kết luận của Hội đồng thẩm định

1. Nội dung chuyên môn:

1.1 Mục tiêu của dự án (ghi cụ thể):

1.2 Các nội dung nghiên cứu mới, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chính (ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)

- Kết luận về những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ:

- Kết luận về những nội dung cần bổ sung:

1.3 Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

- Hội thảo khoa học (*số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức*):

- Thiết bị, máy móc (*thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng*):

1.4 Các hoạt động chuyển giao công nghệ được hỗ trợ:

1.5 Dạng sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm (*ghi cụ thể các sản phẩm chính*):

-Kết luận về các sản phẩm chính không phù hợp, cần loại bỏ:

-Kết luận về các sản phẩm chính cần bổ sung:

1.6 Kế hoạch và tiến độ, thời gian thực hiện:.... tháng:

1.7 Hiệu quả của dự án:

-Kết luận về hiệu quả KH&CN của dự án:

-Kết luận về hiệu quả kinh tế của dự án:

-Kết luận về hiệu quả xã hội của dự án:

2. Về kinh phí thực hiện:

2.1 Dự án được hỗ trợ tối đa tổng mức đầu tư:.....%.

2.2 Tổng kinh phí cần thiết:..... triệu đồng,

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... triệu đồng,

(Bằng chữ:.....)

+ Kinh phí từ các nguồn khác:triệu đồng.

2.3 Về phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án:

2.4 Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Kinh phí từ ngân sách nhà nước	Khoản chi	Kinh phí đối ứng từ các nguồn khác	Ghi chú
1	Thiết bị, máy móc				
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo				
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ				
4	Chi phí lao động				
5	Nguyên vật liệu năng lượng				
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng				
7	Chi khác				
....					
	Tổng cộng				

C. Kết luận chung của Hội đồng thẩm định: (gạch bỏ kết luận không phù hợp)

1. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề tài trên cơ sở Hồ sơ được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng.

2. Đề nghị Ban Chủ nhiệm Chương trình, Cơ quan chủ quản cung cấp bổ sung Hồ sơ thẩm định hoặc hoàn thiện thuyết minh Đề tài để đủ điều kiện thẩm định.

3. Các ý kiến khác của Hội đồng:

4. Biên bản được lập xong lúc ngày..... /...../..... và đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua.

THƯ KÝ
(ký tên, họ và tên)

PHÓ CHỦ TỊCH
(ký tên, họ và tên)

CHỦ TỊCH
(ký tên, họ và tên)

